

## THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TỚI BỆNH TRĨ CỦA THUYỀN VIÊN VẬN TẢI VIỄN DƯƠNG ĐẾN KHÁM TẠI VIỆN Y HỌC BIỂN NĂM 2018

Nguyễn Thị Hải Hà<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Nguyên<sup>2</sup>, Trần Thị Quỳnh Chi<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng và một số yếu tố liên quan đến bệnh trĩ ở thuyền viên vận tải viễn dương đến khám sức khỏe tại Viện Y học biển năm 2018. **Phương pháp:** Mô tả cắt ngang có phân tích được thực hiện thông qua khám lâm sàng 350 thuyền viên vận tải viễn dương đến khám sức khỏe tại Viện Y học biển. **Kết quả nghiên cứu và kết luận:** 73,1% thuyền viên mắc bệnh trĩ, trong đó 96,1% là trĩ nội; trĩ nội độ I chiếm 56,6%, độ 2 chiếm 39,7%. Chủ yếu gặp ở nhóm  $\geq 30$  tuổi và làm việc  $\geq 10$  năm. Táo bón, uống rượu, chế độ rau xanh hoa quả tươi bị gián đoạn là các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến tỷ lệ mắc bệnh trĩ ở thuyền viên.

**Từ khóa:** Bệnh trĩ, thuyền viên, vận tải viễn dương, yếu tố liên quan.

### SUMMARY

**CURRENT SITUATION AND SOME  
FACTORS RELATED TO  
HEMORRHOIDS OF OCEAN  
TRANSPORT SEAFARER WHO HAD A  
PHYSICAL EXAMINATION AT THE  
VIETNAM INSTITUTE OF MARITIME  
MEDICINE IN 2018**

<sup>1</sup>Khoa Y học biển, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

<sup>2</sup>Viện Y học biển

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Hải Hà

Email: baohahp@yahoo.com

Ngày nhận bài: 20.9.2021

Ngày phân biện khoa học: 6.11.2021

Ngày duyệt bài: 11.11.2021

**Objective:** Describe the current situation and some factors related to hemorrhoids in ocean transport seafarers who had a physical examination at the Vietnam Institute of Maritime Medicine in 2018.

**Methods:** A cross-sectional descriptive study was through clinical examination 350 seafarers working on cargo ships who had a physical examination at the Vietnam Institute of Maritime Medicine.

**Results and conclusions:** 73.1% of seafarer had hemorrhoids, in of them 96.1% were internal hemorrhoids; internal hemorrhoids I accounted for 56.6%, grade 2 accounted for 39.7%. Mainly seen in the group of  $\geq 30$  years old and working  $\geq 10$  years of job age. Constipation, alcohol consumption, interrupted diet of fresh green fruits and vegetables were risk factors affecting the incidence of hemorrhoids in seafarers.

**Keywords:** Hemorrhoids, ocean transport, seafarer, factor related.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trĩ là một bệnh lý thường gặp, là một tập hợp các biểu hiện bệnh lý có liên quan đến những thay đổi của mạng mạch trĩ và các tổ chức tiếp xúc với mạng mạch này [1]. Hội trực tràng hậu môn Mỹ đưa ra định nghĩa: Trĩ là những đám mạch máu, tổ chức nâng đỡ và lớp niêm mạc hay da phủ lớn nên bất thường hay gây ra các triệu chứng ở vùng hậu môn trực tràng. Tỷ lệ người mắc bệnh trĩ khá cao. Theo các tác giả nước ngoài, tỷ lệ này khoảng 50% (Goligher, Denis,

Thomson, Parks...) [2],[3]. Các tác giả trong nước (Nguyễn Đình Hối, Trần Khương Kiều, Nguyễn Mạnh Nhâm) cho rằng tỷ lệ trĩ khoảng 35 – 50%. [4],[5],[6].

Thuyền viên là một lực lượng lao động lớn, theo một số thống kê hiện nay Việt Nam có khoảng 27000 thuyền viên đang làm việc cho các đội tàu trong nước và hợp đồng với các tàu nước ngoài. Với điều kiện lao động đặc biệt, làm việc trên tàu và lênh đênh nhiều ngày trên biển [7],[8]. Con tàu vừa là nơi lao động, vừa là nơi sinh hoạt, thời gian làm việc ca kíp, làm 4 tiếng, nghỉ 8 tiếng. Chế độ dinh dưỡng đơn điệu mất cân đối, nhất là thiếu Vitamin, thiếu rau xanh, hoa quả trong bữa ăn gây nên thiếu chất xơ, một thành phần chính làm tăng nhu động ruột, chống táo bón, do đó dễ phát sinh các bệnh do thiếu chất xơ, vitamin. Tình trạng lạm dụng rượu trên tàu, tình trạng căng thẳng thần kinh tâm lý, thói quen tụ tập đánh bài trên tàu. Tất cả các yếu tố bất lợi của môi trường sống và lao động trên tàu đã làm ảnh hưởng đến sức khỏe, khả năng lao động và sự phát sinh bệnh tật có tính chất đặc thù của người đi biển. Trong đó, nhóm các bệnh lý vùng hậu môn trực tràng chiếm tỷ lệ không nhỏ. [9],[10].

Ở trong nước đã có một số nghiên cứu về bệnh lý hậu môn trực tràng trên đối tượng thuyền viên nhưng còn chưa đầy đủ. Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu: *“Mô tả thực trạng và một số yếu tố liên quan đến bệnh trĩ ở thuyền viên vận tải viễn dương đến khám sức khỏe tại Viện y học biển năm 2018”*.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu

#### 2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Thuyền viên đang làm việc trên tàu viễn dương đến khám sức khỏe tại Khoa khám bệnh và quản lý sức khỏe thuyền viên, Viện Y học biển. Có thời gian đi biển từ 2 năm trở lên. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

#### 2.1.2 Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Tại phòng khám ngoại Viện Y học biển Việt Nam, thời gian từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2018.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

#### 2.2.2 Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

• Cỡ mẫu nghiên cứu được tính theo công thức sau:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- n: cỡ mẫu thuyền viên cần nghiên cứu
- $Z^2_{(1-\alpha/2)}$ : hệ số tin cậy, chọn  $Z = 1,96$  tương ứng với độ tin cậy là 95%
- p: tỷ lệ bệnh táo bón, trĩ của thuyền viên. Theo nghiên cứu của Bùi Thị Hà trên đối tượng thuyền viên vận tải xăng dầu đường thủy I Hải Phòng là 31,62%.
- d: độ chính xác mong muốn (Sai số cho phép): 5% so với thực tế.  $d = 0,05$

Thay vào công thức, ta tính được:  $n = 332$  (làm tròn là  $n = 350$ )

#### • Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu thuận tiện, khám sức khỏe cho tất cả các thuyền viên viễn dương trong tiêu chuẩn lựa chọn đến khám sức khỏe tại Viện Y học biển Việt Nam bắt đầu từ tháng 2 đến tháng 7/ 2018 thì đủ cỡ mẫu nghiên cứu là 350 thuyền viên.

#### 2.2.3. Biến số nghiên cứu

• Thực trạng bệnh trĩ ở thuyền viên viễn dương:

- Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu:

- Tỷ lệ mắc bệnh trĩ theo nhóm tuổi đời, tuổi nghề,

- Phân độ trĩ của thuyền viên: độ 1, độ 2, độ 3, độ 4.

- Các triệu chứng cơ năng thường gặp của bệnh trĩ

- Các triệu chứng thực thể của bệnh trĩ: khám và soi hậu môn – trực tràng.

• Một số yếu tố liên quan đến bệnh trĩ ở thuyền viên viễn dương:

Liên quan giữa tình trạng táo bón, béo phì, uống rượu, uống cà phê, tuổi nghề, tuổi đời, chức danh nghề nghiệp, cấp bậc trên tàu, tiền sử viêm loét dạ dày – tá tràng, viêm đại tràng mạn, tăng huyết áp, thói quen uống nước, chế độ ăn uống rau xanh, hoa quả và bệnh trĩ.

#### 2.2.4. Phương pháp thu thập thông tin

- Khám lâm sàng: Do các bác sĩ chuyên khoa ngoại, kết hợp với soi hậu môn bằng ống cứng để chẩn đoán xác định bệnh trĩ. [bệnh án nghiên cứu]

- Phỏng vấn 350 thuyền viên vận tải viễn dương về tình trạng táo bón khi đi biển, uống rượu trên tàu, một số bệnh lý mạn tính để tìm hiểu một số yếu tố liên quan tới phát sinh bệnh trĩ.

#### 2.2.5. Phương pháp xử lý số liệu

- Số liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0 theo phương pháp thống kê y sinh học.

- Sử dụng thuật toán tính tỷ lệ phần trăm; xác định mối liên quan bằng t-test, test  $\chi^2$ , Fisher exact test.

#### 2.2.6. Đạo đức nghiên cứu

- Đề tài được sự cho phép của hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Viện Y học biển và lãnh đạo công ty vận tải, lãnh đạo Viện Y học biển, thuyền viên tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện.

- Trong quá trình tiến hành nghiên cứu cũng như toàn bộ quá trình thăm khám, nếu phát hiện thuyền viên mắc bệnh thuyền viên sẽ được tư vấn phương pháp điều trị, các biện pháp phòng tái phát bệnh lý vùng hậu môn trực tràng nói chung và trĩ nói riêng.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1: Tuổi đời, tuổi nghề của đối tượng nghiên cứu**

ĐTNC	n	KQNC	
		Tuổi đời ( $\bar{X} \pm SD$ )	Tuổi nghề ( $\bar{X} \pm SD$ )
TV vận tải viễn dương	350	38,4 $\pm$ 4,7	11,6 $\pm$ 3,5

**Nhận xét:** Tuổi đời trung bình của thuyền viên là 38,4  $\pm$  4,7; tuổi nghề trung bình là 11,6  $\pm$  3,5.

**Bảng 2. Tỷ lệ mắc bệnh trĩ ở thuyền viên**

Mắc bệnh trĩ	KQNC	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có bị bệnh	256	73,1
Không bị bệnh	94	26,9
<b>Tổng</b>	<b>350</b>	<b>100</b>

**Nhận xét:** Tỷ lệ mắc trĩ ở thuyền viên tham gia nghiên cứu chiếm 73,1%.

**Bảng 3. Tỷ lệ mắc bệnh trĩ theo tuổi nghề**

Tuổi nghề \ KQNC	n	Có bệnh		Không bệnh		p
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	
2- <5 (1)	76	35	46,1	41	53,9	p (2)/(1) & p (3)/(1) < 0,05
5-10 (2)	124	92	74,2	32	25,8	
10-15 (3)	102	87	85,3	15	14,7	
>15	48	42	87,5	6	1,25	
<b>Tổng</b>	<b>350</b>	<b>256</b>	<b>73,1</b>	<b>94</b>	<b>26,1</b>	

**Nhận xét:** Bệnh trĩ của thuyền viên có xu hướng tăng theo tuổi nghề, tuổi nghề 2-5 năm tỷ lệ bệnh là 46,1%, 5-10 năm tỷ lệ bệnh là 74,2%, 10- 15 năm là 85,3%, >15 năm là 87,5%. Điều này có ý nghĩa thống kê với p <0,05.

**Bảng 4. Các triệu chứng lâm sàng của bệnh trĩ ở thuyền viên (n=256)**

Triệu chứng lâm sàng	KQNC	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đau hậu môn	123	48,0
Ỉa máu tươi	240	93,8
Thấy khối hậu môn (sa trĩ)	93	36,3
Táo bón	228	89,1
Cảm giác ỉa không hết phân	62	24,2
Ỉa són phân	21	8,2
Mót rặn	15	5,9
Ỉa lỏng	8	3,1
Rỉ dịch	9	3,5
Ngứa hậu môn	28	10,9
Tình cờ phát hiện	60	23,4

**Nhận xét:** Triệu chứng lâm sàng của bệnh trĩ hay gặp nhất là đi ngoài ra máu (93,8%), táo bón (89,1 %)

**Bảng 5. Phân độ trĩ của thuyền viên (trĩ nội và trĩ hỗn hợp)**

Phân độ trĩ	KQNC	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Độ 1	140	56,6
Độ 2	98	39,7
Độ 3	8	3,3
Độ 4	1	0,4
<b>Tổng</b>	<b>247</b>	<b>100</b>

**Nhận xét:** Trong những thuyền viên mắc bệnh trĩ thì chủ yếu là mắc trĩ độ 1, 2 với tỷ lệ lần lượt là 56,6% và 39,7%. Thuyền viên bị trĩ độ 3 và 4 chiếm tỷ lệ rất thấp lần lượt là 3,3% và 0,4%.

**Bảng 6. Liên quan giữa táo bón và bệnh trĩ ở thuyền viên**

Táo bón \ KQNC	n	Có bệnh		Không bệnh		OR (95% CI)	p
		SL	(%)	SL	(%)		
Có táo bón	270	228	84,4	42	15,6	10,08 (5,52-18,48)	<0,001
Không táo bón	80	28	35,0	52	65,0		
<b>Tổng</b>	<b>350</b>	<b>256</b>	<b>73,1</b>	<b>94</b>	<b>26,1</b>		

**Nhận xét:** Thuyền viên bị táo bón có nguy cơ bị trĩ cao gấp 10,08 lần so với thuyền viên không bị táo bón. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Kết quả này cũng phù hợp với nhiều nghiên cứu khác.

**Bảng 7. Liên quan giữa uống rượu và bệnh trĩ ở thuyền viên**

Uống rượu \ KQNC	n	Có bệnh		Không bệnh		OR (95% CI)	p
		SL	(%)	SL	(%)		
Lạm dụng rượu (1)	74	68	91,9	6	8,1	OR <sub>1-2</sub> : 1,80 (0,68-5,62)	0,211
Thỉnh thoảng uống rượu (2)	182	157	86,3	25	13,7	OR <sub>2-3</sub> : 12,76 (6,71-24,43)	<0,001
Không uống rượu (3)	94	31	33,0	63	67,0	OR <sub>1-3</sub> : 23,03 (8,58-70,61)	<0,001
<b>Tổng</b>	<b>350</b>	<b>256</b>	<b>73,1</b>	<b>94</b>	<b>26,1</b>		

**Nhận xét:** Thuyền viên thường xuyên uống rượu có nguy cơ bị trĩ cao hơn 23,03 lần thuyền viên không uống rượu, thuyền viên thỉnh thoảng uống rượu có nguy cơ bị trĩ cao hơn 12,76 lần thuyền viên không uống rượu. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

**Bảng 8. Liên quan giữa chế độ ăn rau xanh, hoa quả trên tàu và bệnh trĩ ở thuyền viên**

CTNC \ KQNC	n	Có bệnh		Không bệnh		OR (95% CI)	p
		SL	(%)	SL	(%)		
Ăn ít rau xanh, hoa quả tươi, thường xuyên bị gián đoạn	301	240	79,7	61	20,3	8,11 (4,01-16,76)	<0,001
Ăn rau xanh, hoa quả tươi thường xuyên hơn, ít bị gián đoạn	49	16	32,7	33	67,3		
<b>Tổng</b>	<b>350</b>	<b>256</b>	<b>73,1</b>	<b>94</b>	<b>26,1</b>		

**Nhận xét:** Kết quả bảng trên cho thấy thuyền viên có chế độ ăn rau xanh, hoa quả tươi gián đoạn trong hành trình có tỉ lệ bị trĩ gấp 8,11 lần thuyền viên có chế độ ăn rau xanh, hoa quả thường xuyên hơn, ít bị gián đoạn. Điều này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

#### IV. BÀN LUẬN

##### 4.1. Thực trạng bệnh trĩ ở thuyền viên

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm thuyền viên mắc bệnh trĩ có tuổi đời tập trung chủ yếu ở nhóm từ 30 - 60 tuổi, tuổi mắc trĩ trung bình là  $38,4 \pm 4,7$  tuổi, tuổi nghề  $11,6 \pm 3,5$  năm, trong khi đó nhóm thuyền viên không mắc bệnh trĩ chủ yếu tập trung nhiều ở nhóm tuổi từ 20-29 tuổi và có tuổi nghề 2 - <5 năm. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Sự phân bố này cũng phù hợp với kết luận bệnh nhân bị trĩ thường gặp ở lứa tuổi trên 30 tuổi trong các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả khác: Nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Nhâm trên đối tượng người dân trên 15 tuổi tại một số tỉnh phía Bắc cho thấy tuổi mắc bệnh trĩ trung bình  $45 \pm 15$  tuổi. Nghiên cứu của Arnaud và cộng sự (1998) tuổi mắc bệnh trĩ trung bình là 43,8. Nghiên cứu của I. Kanellos và cộng sự (2006) nghiên cứu 126 bệnh nhân trĩ độ IV trong 4 năm 1998- 2002 tuổi trung bình là 43,9. Tuổi mắc trĩ trung bình trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn các nghiên cứu khác. Giải thích cho vấn đề này chúng cho rằng, bệnh trĩ là bệnh tiến triển mạn tính thường gặp chủ yếu ở tuổi trưởng thành và lớn tuổi.

Thuyền viên là đối tượng lao động làm việc trong môi trường đặc thù có nhiều điều kiện thuận lợi để bệnh trĩ hình thành và phát triển nhanh: chịu tác động của môi trường vi khí hậu khắc nghiệt, môi trường vi xã hội đặc biệt, thời gian làm việc ca kíp nhàm chán, lười vận động, chế độ ăn không cân đối thiếu rau xanh, hoa quả tươi. Bệnh trĩ của thuyền viên có xu hướng tăng theo tuổi nghề,

tuổi nghề 2-5 năm tỷ lệ bệnh là 46,1%, 5-10 năm tỷ lệ bệnh là 74,2%, 10- 15 năm là 85,3%, >15 năm là 87,5%. Thuyền viên lao động càng lâu năm càng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố trên tàu kéo dài dẫn đến tỷ lệ bệnh lý ngày càng tăng theo thời gian trong đó có bệnh trĩ. Triệu chứng lâm sàng của bệnh trĩ hay gặp nhất là ỉa máu (93,8%), táo bón (89,1%), đau hậu môn 48,0%, tuy nhiên các triệu chứng như thấy khối hậu môn, rỉ dịch lại ít gặp hơn.

Thuyền viên mắc bệnh trĩ thì chủ yếu là mắc trĩ độ 1, 2 với tỷ lệ lần lượt là 56,6% và 39,7%. Thuyền viên bị trĩ độ 3 và 4 chiếm tỷ lệ rất thấp lần lượt là 3,3% và 0,4%. Nghiên cứu của chúng tôi có kết quả tương tự với nghiên cứu của Hà Sĩ Tuyền, Nguyễn Duy Duyên [8]: Trĩ độ 1: 52,8%, độ 2: 39,11%, độ 3: 7,26%, độ 4: 0,83%. Do nghiên cứu của chúng tôi cùng trên đối tượng là thuyền viên vận tải viễn dương. Nghiên cứu của chúng tôi có sự phù hợp với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác về tỷ lệ trĩ độ 1, 2. Nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Nhâm (2004) trĩ độ 1 (10,4%), Trĩ độ 2 (51,8%), Trĩ độ 3 (31,8%), Trĩ độ 4 (6%). Trần Thiện Hòa (2010) Trĩ độ 1 (21,23%), độ 2 (59,96%), độ 3 (16,85%), độ 4 (1,96%). Nghiên cứu của Đào Đức Dũng (2011) trĩ nội độ 3 chiếm tỷ lệ cao nhất (63%), chỉ có 4,5% là trĩ độ 2 [9].

##### 4.2. Các yếu tố liên quan đến bệnh trĩ của thuyền viên

Kết quả nghiên cứu cho thấy thuyền viên thường xuyên uống rượu có nguy cơ bị trĩ cao hơn 23,03 lần thuyền viên không uống rượu, thuyền viên thỉnh thoảng uống rượu có nguy cơ bị trĩ cao hơn 12,76 lần thuyền viên

không uống rượu. Mặc dù, ngày nay nhiều con tàu hiện đại được trang bị khá đầy đủ phương tiện tập luyện, vui chơi, giải trí nhưng không gian sống gò bó không thể thay thế được môi trường trên đất liền. Thời gian của họ tuân thủ theo thời gian biểu khá đơn điệu, nhàm chán vì vậy gây nên một trạng thái tâm lý không ổn định, đời sống tẻ nhạt và dễ dẫn đến các hoạt động tiêu cực như cờ bạc, nghiện thuốc lá, rượu.

Rau và hoa quả tươi là một trong 4 nhóm thực phẩm cần thiết để có một bữa ăn hợp lý. Giá trị của rau, quả tươi là cung cấp cho cơ thể các chất dinh dưỡng có hoạt tính sinh học cao đặc biệt là vitamin, chất khoáng và vi khoáng. Ngoài ra các acid hữu cơ, chất xơ, các chất chống oxy hóa có tác dụng nâng cao sức đề kháng và chống táo bón. Chất xơ là thành phần khó tiêu hóa khi đi qua hệ tiêu hóa chúng hút nước và phồng lên giúp kích thích nhu động ruột, làm mềm phân góp phần chống táo bón. Ngoài ra chất xơ ở ruột già còn làm tăng khả năng lên men của vi khuẩn, sinh ra các acid mạch ngắn, đây chính là nguồn năng lượng cho các tế bào ruột già. Kết quả nghiên cứu ở bảng 8 cho thấy thuyền viên có chế độ ăn rau xanh, hoa quả tươi gián đoạn trong hành trình có tỉ lệ bị trĩ gấp 8,11 lần thuyền viên có chế độ ăn rau xanh, hoa quả thường xuyên, không bị gián đoạn. Thuyền viên làm việc trên tàu viễn dương có một chế độ ăn mất cân đối thừa đạm nhưng lại thiếu rau xanh, hoa quả tươi. Bên cạnh đó rau xanh bảo quản trong hầm lạnh nhưng sau 5 - 7 ngày rau bị biến chất, mất dần các chất dinh dưỡng, vitamin. Khi chế biến không

mang lại cảm giác ngon miệng như thực phẩm tươi sống.

## V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu 350 thuyền viên đang làm việc trên tàu viễn dương về bệnh trĩ và một số yếu tố liên quan, chúng tôi rút ra kết luận sau:

- Thực trạng bệnh trĩ ở thuyền viên:
  - + Tỷ lệ mắc bệnh trĩ là 73,1%; trong đó 96,1% là trĩ nội; trĩ nội độ I chiếm 56,6%, độ 2 chiếm 39,7%.
  - + Bệnh trĩ của thuyền viên có xu hướng tăng theo tuổi nghề; thuyền viên có tuổi nghề trên 10 năm có tỷ lệ mắc bệnh trĩ từ 85,3% - 87,5%.
  - Một số yếu tố liên quan tới bệnh trĩ ở thuyền viên: Tình trạng táo bón, uống rượu, chế độ rau xanh hoa quả tươi bị gián đoạn là các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến tỷ lệ mắc bệnh trĩ ở thuyền viên.

## KHUYẾN NGHỊ

Các công ty vận tải tàu biển cần hạn chế đến mức tối đa việc gián đoạn rau xanh, hoa quả tươi trong hành trình. Có thể thay thế bằng việc cung cấp nguồn chất xơ qua các loại thực phẩm chức năng để đảm bảo hạn chế táo bón ở thuyền viên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **BỘ Y TẾ (2000)**, Bảng phân loại quốc tế bệnh tật lần thứ 10 (ICD 10), NXB Y Học Hà Nội.
2. **Corman M.L (1984)**, "Hemorrhoids". Colon and Rectal Surgery, pp. 42- 71.
3. **Goligher J.E. (1984)**, "Hemorrhoids or Piles". Surgery of the anus, rectum and colon, 5th Ed, Balliere tindall, London, 89, 346.

4. **Trần Phương Kiều (1992)**, Góp phần tìm hiểu dịch tễ học bệnh trĩ trong sinh thái xã hội và tự nhiên ở một vùng nước ta, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Y-dược, ĐH Y Hà Nội.
5. **Nguyễn Mạnh Nhâm, Nguyễn Đình Chì (1999)**, Tình hình bệnh trĩ ở một nhà máy T (Qua điều tra dịch tễ học và kết quả bước đầu của công tác điều trị). Tạp chí ngoại khoa số 4/1999. 15-21
6. **Đào Đức Dũng (2011)**, Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị phẫu thuật bệnh trĩ tại các tỉnh biên giới phía Bắc. Luận văn bác sỹ nội trú bệnh viện, trường đại học Y dược Thái Nguyên.
7. **Sức khỏe nghề nghiệp** (Vệ sinh lao động), 2002, Đại học y Hải Phòng, tập II, NXB Y Học Hà nội 2002.
8. **Nguyễn Trường Sơn (2010)**, Bài giảng Y học biển, Đại học Y Hải Phòng, tập 1, NXB Y học Hà Nội.
9. **Nguyễn Trường Sơn (1994)**, Nghiên cứu đặc điểm một số chức năng sinh lý của những người lao động trên biển khu vực phía Bắc Việt Nam, Luận án PTS khoa Y- Dược, HVQY. Nguyễn Văn Tâm (2013), “Nghiên cứu một số đặc điểm thần kinh- tâm lý của thuyền viên Việt Nam làm việc trên tàu viễn dương năm 2012”, tạp chí Y học Việt Nam, tập 423, số 2/2014, tr 72-77.
10. **Nguyễn Duy Duyên, Hà Sĩ Tuyển (2015)**, Đặc điểm bệnh lý hậu môn trực tràng của thuyền viên tàu viễn dương đến khám tại Viện y học biển Việt Nam năm 2015, Đề tài khoa học cấp cơ sở Viện Y học biển Việt Nam.